

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-PT

Ngày 17 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến
Ông Hồ Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Dương Văn L do có kháng cáo của bị hại Phạm Thị C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Dương Văn L – sinh năm 1972 tại huyện V1, tỉnh Hậu Giang. Nơi đăng ký thường trú: Ấp 2, xã V2, huyện V1, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị R; có 03 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

Bà Phạm Thị C – sinh năm 1977; (Có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, bị cáo Dương Văn L và bị hại Phạm Thị C có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà C và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, L nhiều lần chửi, dọa đánh C do nghi ngờ C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. C nhiều lần làm đơn trình báo sự việc trên cho Công an xã Hỏa Tiến, thành phố V. Đến khoảng đầu năm 2019, C muốn chia tay, không muốn tiếp tục quan hệ tình cảm với L. C tránh mặt và không cho L đến nhà. Khi thấy L đến nhà thì C báo cho Công an xã H biết để mời L về.

Khoảng 03 giờ ngày 18/5/2019, C đang nằm ngủ trong nhà thì nghe có tiếng động, C đi lại cửa nhìn thì thấy L đang đứng bên ngoài nên điện thoại báo cho Công an xã H. Khi Công an tới thì L lên xe bỏ đi. Sợ L tiếp tục quay lại nhà nên đêm hôm sau (đêm 18 rạng sáng ngày 19 tháng 5 năm 2019), C đến nhà ông Nguyễn Văn S ngủ nhờ. Đến khoảng 06 giờ ngày 19/5/2019, L điều khiển xe mô tô biển số 68U5 – 2850 đến nhà C và giấu xe mô tô trong vườn tràm phía sau nhà. Rồi cạy lưới B40 vào nhà bếp chờ C. Khi C về nhà thì phát hiện trong nhà có mùi nước hoa và mùi thuốc lá, nghĩ là L đang ở trong nhà nên đã quay trở lại báo cho ông Sự biết rồi cùng ông Sự về nhà. Sau khi kiểm tra trong nhà thì phát hiện L đang trong nhà tắm nên ông Sự kêu L lên nhà trước và C báo Công an xã H mời L về trụ sở làm việc. Xong, C đi chợ.

Tại Công an xã H sau khi được giải thích, L cam kết sẽ không đến nhà làm phiền C nữa. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi uống nước cùng người quen ở gần đó được một lúc thì tiếp tục quay trở lại nhà C. Khi đến nhà C, L giấu xe mô tô ở vườn tràm rồi cạy vách tol phía sau vào nhà. Đến khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, C đi chợ về. Khi mở cửa vào nhà thì thấy L đang đứng trong nhà trên tay đang cầm một cây dao dài khoảng 18cm đến 20 cm, cán dao màu đen dài khoảng 08 cm, lưỡi dao màu trắng. Lúc này, trên tay L vẫn còn cầm con dao, L đóng cửa lại rồi dùng ổ khóa, khóa trái cửa mục đích để cho C không chạy ra ngoài báo Công an. L yêu cầu được giao cầu với C nhưng C không đồng ý nên viện lý do bị mệt rồi đi xuống nhà sau. L tiếp tục đi theo C yêu cầu được giao cầu nên C đồng ý. L dùng tay cởi áo C. Lúc này, bà Nguyễn Thị D (là hàng xóm) điện thoại cho C nên L đã lấy điện thoại tắt máy rồi cất vào trong túi quần. Thấy L cởi áo mạnh tay, sợ bị rách nên C tự cởi áo, cởi quần của mình ra rồi nói với L giao cầu tại giường gỗ ở nhà sau nhưng L không đồng ý. Sau đó, cả hai cự cãi với nhau, L dùng tay bóp vào vùng cổ C và kéo đi từ nhà sau lên giường ngủ có nệm ở nhà trước rồi xô C ngã xuống giường. L vào buồng lấy dây dù tròn màu trắng – đen trong cặp ra rồi trói hai tay của C vào hai đầu giường. C ở tư thế nằm ngửa rồi L giao cầu với C. Trong lúc giao cầu, C nói chuyện lớn tiếng vì không đồng ý việc bị trói tay. L sợ người ngoài nghe thấy nên lấy chiếc khăn vải (dùng để lau mặt) nhét vào miệng C nhưng C nhả ra được. L giao cầu với C được khoảng 03 đến 04 phút thì lấy điện thoại di động hiệu Samsung màu đen để trên bàn kính cạnh giường quay lại hình ảnh giao cầu, rồi L tiếp tục giao cầu với C thêm 03 đến 04 phút nữa thì xuất tinh trong âm đạo của C.

Sau khi giao cầu xong, L trói hai tay của C ra phía sau lưng. C kêu L cởi trói để đi tắm nhưng L không đồng ý và dẫn C đi xuống nhà sau xối nước, lau mình và lấy quần ngủ mặc cho C. C tiếp tục năn nỉ L cởi trói, hứa sẽ không báo cho Công

an nên L đi ra nhà sau lấy dao cắt dây trói cho C. Sau khi được cởi trói, C đi tắm và thay đồ. Lúc này, L lấy điện thoại di động của C ra kêu mở mật khẩu để gọi Zalo cho C nói chuyện với Hồ Ngọc Tuấn (Phước). Do trước đó, ông P có gọi điện thoại cho C, L nghĩ C có quan hệ tình cảm với ông P. C nói chuyện một vài câu rồi tắt máy. Lợi dụng lúc L đang sử dụng điện thoại di động nhấn tin chửi ông P, C chạy vào buồng, đập vách tol ra ngoài rồi chạy đến nhà Lâm Minh T nhờ báo Công an. Thấy C bỏ chạy ra ngoài, L cũng chui ra đường vách tol trong buồng bỏ chạy ra phía sau vườn tràm. Sau đó, Công an xã H tìm được đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2019/HS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn L phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn L 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 25/10/2019).

Giao bị cáo Dương Văn L cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện V1, tỉnh Hậu Giang, nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Dương Văn L bồi thường thiệt hại về tinh thần trị giá bằng số tiền 14.900.000đ (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) cho bị hại chị Phạm Thị C. Bị cáo L được khấu trừ lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) bà Dương Thị M nộp khắc phục hậu quả ngày 20/8/2019 tại Cơ quan điều tra (số tiền này chị C chưa nhận).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/11/2019, bị hại Phạm Thị C kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, không đồng ý cho bị cáo được hưởng án treo, tăng mức bồi thường thiệt hại và xử lý hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm hình sự và rút một phần yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự, không chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo; sửa bản án sơ thẩm; xử phạt bị cáo mức án 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Phạm Thị C có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị hại phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị C tự nguyện rút một phần kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị hại là tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Phạm Thị C.

[3] Qua kết quả tranh tụng, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 19/5/2019, bị cáo Dương Văn L đã thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực giao cấu trái với ý muốn của bị hại Phạm Thị C. Với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và không cho bị cáo hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Bồi lẽ ngoài lần phạm tội này, bị cáo không chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện nhưng xét về tính chất, nguyên nhân của vụ án đều xuất phát từ mối quan hệ tình cảm cũng như mâu thuẫn phát sinh giữa bị cáo và bị hại sau thời gian đã chung sống với nhau như vợ chồng. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có vi phạm pháp luật. Việc bị hại nhiều lần trình báo với chính quyền địa phương cũng xoay quanh mâu thuẫn trong

tình cảm giữa bị cáo và bị hại, ngoài ra bị cáo không có biểu hiện vi phạm nào khác. Bị cáo được chính quyền địa phương ấp T, xã H, thành phố V xác nhận không có vi phạm pháp luật và có hỗ trợ, giúp đỡ cho học sinh nghèo tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo cũng tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện, ngăn chặn tội phạm, nhiều lần cung cấp tin báo về các hành vi vi phạm pháp luật cho cơ quan Công an được Công an huyện V1, tỉnh Hậu Giang xác nhận. Đây là tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định, đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, cải tạo bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và không vi phạm quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Ngoài ra, bị hại kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và không cho bị cáo hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại di động của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa không chứng minh được bị cáo có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại, do đó không có căn cứ để xử lý hình sự đối với bị cáo về hành vi chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, phần xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm cũng đã tuyên giao trả lại cho bị hại chiếc điện thoại di động và bị hại không có ý kiến, kháng cáo về phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa về việc đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự, không chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa về việc chấp nhận phần kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo là không đủ căn cứ như đã phân tích nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Phạm Thị C.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Thị C yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, không cho bị cáo hưởng án treo và yêu cầu xử lý hành vi của bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn L phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Văn L 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 25/10/2019).

Giao bị cáo Dương Văn L cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện V1, tỉnh Hậu Giang, nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND, VKSND, CQĐT,
Chi cục THADS thành phố V;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng Lâm